



Mã nhận dạng 02313

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21CK_01

Tổ Thi 001_DH21CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118170	Lê Quốc Anh	DH21CK	Anh		7	5	10	3.0	0012●45678910	●123456789
2	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	Bao		9	3	6	6.0	0012345●78910	●●123456789
3	21137050	Đặng Mậu Quốc Cảnh	DH21NL	Canh		9	6	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
4	21118185	Nguyễn Ngọc Cương	DH21CK	Cuong		6	1	0	1.4	00●2345678910	0123●56789
5	21118218	Nguyễn Ngọc Duy	DH21CK	Duy		8	2	2.5	3.5	0012●45678910	01234●6789
6	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC							0012345678910	0123456789
7	21118211	Hà Lâm Văn Dương	DH21CK							0012345678910	0123456789
8	20118132	Nguyễn Gia Đạt	DH20CC	Dat		8	3.5	2	2.3	001●345678910	012●456789
9	21118194	Đào Hải Đăng	DH21CK	B		9	8	4	5.8	001234●678910	01234567●9
10	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK	Tru		9	4	2.5	4.1	00123●5678910	0●23456789
11	21118232	Cao Thái Hiền	DH21CK	Hien		8	2	1.5	2.9	001●345678910	012345678●
12	21118240	Đỗ Cao Huy Hoàng	DH21CK	Huy		9	4	3	4.4	00123●5678910	0123●56789
13	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT	Hung		9	5	1	3.4	0012●45678910	0123●56789
14	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT	Khang		6	0	1.5	2.1	001●345678910	0●23456789
15	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	Tru		9	4	2.5	4.1	00123●5678910	0●23456789
16	21118293	Trương Duy Lành	DH21CK	anh		8	4	1	3.0	0012●45678910	●123456789



Mã nhận dạng 02313

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21CK_01

Tổ Thi 001_DH21CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118313	Đồng Hữu Nam	DH21CK			3	2	0	1.0	00●2345678910	●123456789
18	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL							0012345678910	0123456789
19	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			9	1.5	1.5	3.0	0012●45678910	●123456789
20	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			4	5	2	3.0	0012●45678910	●123456789
21	20118215	Phan Văn Nhất	DH20CK			9	2	3	4.0	00123●5678910	●123456789
22	21118328	Nguyễn Minh Nhật	DH21CK							0012345678910	0123456789
23	21118107	Lý Huỳnh Tấn Phát	DH21CK			9	2	0	2.2	001●345678910	01●3456789
24	20118223	Phan Kim Phát	DH20CK							0012345678910	0123456789
25	21118335	Nguyễn Trần Thanh Phong	DH21CK			9	2	6	5.8	001234●678910	01234567●9
26	21118339	Hồ Hoàng Phúc	DH21CK			6	0	1	1.8	00●2345678910	01234567●9
27	21118351	Đào Duy Quốc	DH21CK			6	3	0	1.8	00●2345678910	01234567●9
28	21118359	Trần Thành Quý	DH21CK			9	3.5	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789
29	21118121	Dùng Thanh Sang	DH21CK			9	5	1	3.4	0012●45678910	0123●56789
30	20118247	Huỳnh Thanh Tâm	DH20CK			9	2	5	6.2	0012345●78910	01●3456789
31	21118379	Trần Việt Thành	DH21CK							0012345678910	0123456789
32	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK			9	4	8	7.4	00123456●8910	0123●56789

Mã nhận dạng 02313

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH21CK_01

Tổ Thi 001_DH21CK_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	20118264	Nguyễn Đức Thuận	DH20CK			9	5	4	5.2	0012345678910	0123456789
34	21118382	Dương Tuấn	DH21CK			8	2	0	2.0	0012345678910	0123456789
35	21118143	Nguyễn Minh	DH21CK			8	8	1	3.8	0012345678910	0123456789
36	18154123	Trương Văn	DH18OT							0012345678910	0123456789
37	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK			9	9	6	7.2	0012345678910	0123456789
38	21118400	Lê Văn	DH21CK			9	3.5	6	6.1	0012345678910	0123456789
39	21118404	Huỳnh Quang	DH21CK			9	2.5	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
40	20118287	Ngô Anh	DH20CK			9	2.5	3	4.1	0012345678910	0123456789
41	21118422	Nguyễn Tiến	DH21CK							0012345678910	0123456789
42	20118289	Nguyễn Xuân	DH20CK							0012345678910	0123456789
43	20118291	Lâm Huỳnh Anh	DH20CK			9	3.5	4	4.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 20/06/2022

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 02314

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cơ lưu chất(207202)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH21CK_02**

Tổ Thi **001_DH21CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118168	Vũ Đình Đông An	DH21CK	<i>Aa</i>		9	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
2	21118174	Huỳnh Minh Bảo	DH21CK	<i>Bao</i>		8	6	0	2.8	0012345678910	0123456789
3	21118180	Nguyễn Văn Buól	DH21CK	<i>Buol</i>		8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
4	21118186	Trần Ngan Cương	DH21CK							0012345678910	0123456789
5	21118189	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	<i>Cuong</i>		8	7	1	3.6	0012345678910	0123456789
6	21118190	Nguyễn Quốc Cường	DH21CK	<i>Cu</i>		9	7	1	3.8	0012345678910	0123456789
7	21118196	Nguyễn Văn Danh	DH21CK							0012345678910	0123456789
8	21118214	Dương Nhất Duy	DH21CK	<i>Duy</i>		8	3	2	3.4	0012345678910	0123456789
9	21118215	Lương Hoàng Anh Duy	DH21CK	<i>Duy</i>		7	7	0	2.8	0012345678910	0123456789
10	21118217	Nguyễn Bảo Duy	DH21CK	<i>Duy</i>		8	8	0	3.2	0012345678910	0123456789
11	21118043	Trần Khánh Duy	DH21CK	<i>Duy</i>		9	8.5	3	5.3	0012345678910	0123456789
12	21118198	Dương Đức Đạo	DH21CK	<i>Dao</i>		8	7	0	3.0	0012345678910	0123456789
13	21118199	Đào Đức Đạt	DH21CK	<i>Dat</i>		8	9	0	3.4	0012345678910	0123456789
14	21118200	Hoàng Văn Đạt	DH21CK	<i>Dat</i>		8	8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
15	21118204	Vũ Tiến Đạt	DH21CK	<i>Dat</i>		9	7	0	3.2	0012345678910	0123456789
16	21118206	Tô Phạm Hữu Đức	DH21CK	<i>Duc</i>		9	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02314

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21CK_02

Tổ Thi 001_DH21CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118226	Nguyễn Hoàng	Hào	DH21CK		8	5	1	3.2	0012345678910	0123456789
18	21118227	Võ Hoàng	Hào	DH21CK		9	5	1	3.4	0012345678910	0123456789
19	21118050	Lê Trần Phúc	Hậu	DH21CK		9	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
20	21118228	Nguyễn Công	Hậu	DH21CK		8	5	0	2.6	0012345678910	0123456789
21	21118230	Hoa Xoài	Hên	DH21CK		9	5	0	2.6	0012345678910	0123456789
22	21118235	Phạm Minh	Hiếu	DH21CK		9	7	4	5.6	0012345678910	0123456789
23	21118237	Hứa Minh	Hòa	DH21CK		9	7	2	4.4	0012345678910	0123456789
24	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT						0012345678910	0123456789
25	21118238	Nguyễn Phúc	Hòa	DH21CK		9	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
26	21118242	Nguyễn Duy	Hoàng	DH21CK		8	5	5	5.6	0012345678910	0123456789
27	21118248	Nguyễn Thế	Hùng	DH21CK		8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
28	21118255	Hồ Quốc	Huy	DH21CK		8	8	3	5.0	0012345678910	0123456789
29	21118257	Nguyễn Chánh	Huy	DH21CK		9	6	7	7.2	0012345678910	0123456789
30	21118259	Nguyễn Trần Gia	Huy	DH21CK		8	6	4	5.5	0012345678910	0123456789
31	21118265	Hồ Thị Như	Huỳnh	DH21CK		9	9	1	4.2	0012345678910	0123456789
32	21118062	Ngô Trí	Hưng	DH21CK		9	7	4	5.6	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Số Tín Ch 2

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118252	Trần Nguyễn Hưng	DH21CK			9	4	8	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	21118253	Trần Tiến Hưng	DH21CK			8	6	2	4.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	21118073	Lê Đình Khả	DH21CK			7	5	1	3.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	21118268	Nguyễn Ngọc Khang	DH21CK			8	8	5	6.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	21118270	Nguyễn Văn Khánh	DH21CK			7	5	3.5	4.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	21118271	Danh Võ Anh Khoa	DH21CK			9	7	2.5	4.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	21118278	Nông Trung Kiên	DH21CK			9	5	3	4.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	21118280	Bùi Tuấn Kiệt	DH21CK			8	9	4	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	21118281	Đào Duy Kiệt	DH21CK			9	6	6	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	21118282	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH21CK			9	5	5	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	21118084	Lê Hoàng Lâm	DH21CK			9	8	2	4.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	21118289	Lý Nhật Lâm	DH21CK			7	4	2	3.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	21118291	Nguyễn Hoàng Lâm	DH21CK			9	9	2.5	5.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	21118292	Nguyễn Sơn Lâm	DH21CK							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	21118296	Châu Vũ Lộc	DH21CK			9	8	0	3.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	21118298	Trần Hà Trung Lợi	DH21CK			9	5	0	2.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02314

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21CK 02

Tổ Thi 001 DH21CK 02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **19/07/2022**

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	21118300	Nguyễn Quý Luân	DH21CK			9	7	3.5	5.3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
50	21118302	Phan Minh Luân	DH21CK							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	21118303	Ngô Minh Mẫn	DH21CK			8	5	0	2.6	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
52	21118304	Nguyễn Ngọc Mẫn	DH21CK			9	7	3	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	21118309	Nguyễn Văn Minh	DH21CK			9	8	5	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
54	21118314	Nguyễn Trần Phương Nam	DH21CK			9	8	3	5.2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
55	21118315	Phan Thành Nam	DH21CK			8	9	0	3.4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
56	21118324	Nguyễn Hiếu Nhân	DH21CK			9	7	1	3.8	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
57	21118329	Phạm Anh Nhật	DH21CK			9	5	2	4.0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	21118104	Trần Hồ Anh Nhật	DH21CK			9	6	0	3.0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	21118331	Phạm Kim Niên	DH21CK			9	8	2	4.6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
60	21118338	Đoàn Đại Phúc	DH21CK			7	8	6	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
61	21118343	Võ Đình Phúc	DH21CK			9	8	8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
62	21118344	Huỳnh Nam Phương	DH21CK			7	6	0	2.6	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
63	21118117	Nguyễn Minh Phương	DH21CK			9	8	0	3.4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
64	21118347	Lê Nhật Quang	DH21CC			9	7	5	6.2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02314

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH21CK_02

Tổ Thi 001_DH21CK_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 19/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	21118346	Đỗ Hoàng Quân	DH21CK			9	7	0	3.2	001245678910	013456789
66	21118352	Nguyễn Văn Quốc	DH21CK			8	8	3.5	5.3	001234678910	012456789
67	21118360	Nguyễn Công Duy	DH21CK			8	5	0	2.6	001345678910	012345789
68	21118378	Nguyễn Ngọc Thành	DH21CK			9	6	5.5	6.3	001234578910	012456789
69	21118138	Hà Xuân Thịnh	DH21CK							0012345678910	0123456789
70	21118386	Đặng Quang Tiến	DH21CK			9	6	2	4.2	001235678910	013456789
71	21118387	Đỗ Nguyễn Hữu Tiến	DH21CK			8	7	1	3.6	001245678910	012345789
72	21118388	Lê Nguyễn Tân	DH21CK			9	8	4	5.8	001234678910	012345679
73	21118389	Lê Nhật Tiến	DH21CK			9	8	0	3.4	001245678910	012356789
74	21118393	Trần Quang Tốt	DH21CK			9	7	2	4.4	001235678910	012356789
75	21118399	Nguyễn Trung	DH21CK			9	8	1	4.0	001235678910	123456789
76	21118411	Phạm Hữu Thanh Tuấn	DH21CK			8	8	10	9.2	001234567810	013456789
77	21118413	Trần Hoàng Anh Tuấn	DH21CK			9	5	3.5	4.9	001235678910	012345678
78	21118424	Cao Văn Vũ	DH21CK			9	8	8	8.2	001234567910	013456789
79	21118163	Dương Hàn Vũ	DH21CK			9	7	8	8.0	001234567910	123456789
80	21118435	Nguyễn Vũ Hải Yên	DH21CK			9	9	0	3.6	001245678910	012345789



Mã nhận dạng 02314

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207202) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH21CK_02 Tổ Thi 001_DH21CK_02 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 19/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV101

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 74 Số sinh viên vắng 6...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

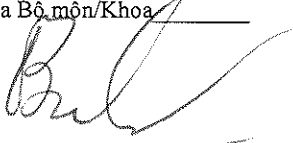
Cán bộ coi thi 1


N.V. Kiep

Cán bộ coi thi 2


Ho Van Nghien

Xác nhận của Bộ môn/Khoa


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 02317

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CKC_03**

Tổ Thi **001_DH20CKC_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **21/07/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Việt Nguyên	Chương	DH20CKC		8	7	4	5,0	0012345678910	0123456789
2	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC		7	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
3	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC		8	7	5	5,7	0012345678910	0123456789
4	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC						0012345678910	0123456789
5	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC		7	6	3	4,0	0012345678910	0123456789
6	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC		8	6	4	4,8	0012345678910	0123456789
7	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC		7	6	4	4,7	0012345678910	0123456789
8	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC						0012345678910	0123456789
9	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC		7	6	6	6,1	0012345678910	0123456789
10	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC		7	7	5	5,6	0012345678910	0123456789
11	21118349	Trần Minh	Quang	DH21CKC						0012345678910	0123456789
12	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC		7	7	5	5,6	0012345678910	0123456789
13	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC		7	6	9	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02317

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH20CKC_03** Tổ Thi **001_DH20CKC_03** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**
Ngày Thi **21/07/2022** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 2...

Ngày 9 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


N.V. Kiệp


Nguyễn Nhật Long


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thanh Nghị

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	Nguyễn Viết Nguyên	Chương	DH20CKC	<i>CN</i>	9	4	7	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20118151	Phùng Khánh	Duy	DH20CKC	<i>P</i>	9	6	7	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20118153	Lê Phan Minh	Hải	DH20CKC	<i>LM</i>	9	7	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20118089	Thái Tấn	Lộc	DH20CKC						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20118190	Lê Vĩnh	Lợi	DH20CKC	<i>L</i>	9	6	6	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20118191	Nguyễn Đức	Lợi	DH20CKC	<i>L</i>	9	0	6	5.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20118199	Chu Phương	Nam	DH20CKC	<i>Nam</i>	9	0	4	4.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20118205	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	DH20CKC						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20118226	Đào Sĩ	Phong	DH20CKC	<i>Phong</i>	9	1	3.5	4.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20118238	Đỗ Minh	Quang	DH20CKC	<i>DM</i>	9	5	4	5.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	DH20CKC	<i>NV</i>	9	4	7	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20118281	Lê Anh	Tuấn	DH20CKC	<i>LA</i>	9	8	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02325

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ lưu chất(207235) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH20CKC_01 Tổ Thi 001_DH20CKC_01 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 27/07/2022 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 100... Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Đặng Văn Quang

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 02337

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			9	7	5	6,0	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			9	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
3	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			7	6	3	4,3	0012345678910	0123456789
4	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
5	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			6	6	3	4,2	0012345678910	0123456789
6	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			10	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
7	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			8	9	4	5,9	0012345678910	0123456789
8	19118030	Chê Nguyễn Văn Danh	DH19CK			6	6	2	3,6	0012345678910	0123456789
9	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			7	7	1	3,4	0012345678910	0123456789
10	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
11	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			10	9	7	7,9	0012345678910	0123456789
12	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
13	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
14	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			7	6	5	5,5	0012345678910	0123456789
15	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
16	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			9	10	3	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02337

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

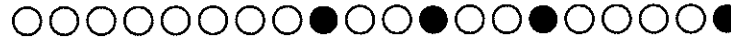
Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
18	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			7	5	2	3,4	0012345678910	0123456789
19	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
20	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
21	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			8	10	5	6,8	0012345678910	0123456789
22	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
23	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
24	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			7	7	2	4,0	0012345678910	0123456789
25	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
26	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			10	10	7	8,2	0012345678910	0123456789
27	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			0	0	1	0,6	0012345678910	0123456789
28	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
29	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
30	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
31	19118137	Bùi Duy Lữ	DH19CK			6	6	4	4,8	0012345678910	0123456789
32	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02337

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			7	9	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
34	19118147	Hoàng Phương	DH19CK			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
35	19118148	Huỳnh Hoài	DH19CK			7	7	3	4,6	0012345678910	0123456789
36	19118149	Lâm Nhật	DH19CK			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
37	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			8	6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
38	19118167	Phạm Thế	DH19CK			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
39	19118168	Thân Văn	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
40	19118171	Trần Trường	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
41	19118183	Phạm Công	DH19CK			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
42	19118184	Phạm Minh	DH19CK			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
43	19118189	Lê Vinh	DH19CK			6	5	5,5	3,4	0012345678910	0123456789
44	19118187	Trương Quang	DH19CK			7	5	3	4,0	0012345678910	0123456789
45	19118191	Trương Thanh	DH19CK			10	10	7	8,2	0012345678910	0123456789
46	19118193	Huỳnh Văn	DH19CK			9	10	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
47	19118198	Nguyễn Trường	DH19CK			9	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
48	19118214	Lê Ngọc	DH19CK			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02337

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			8	8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
50	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
51	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK						✓	0012345678910	0123456789
52	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			7	5	3	4,0	0012345678910	0123456789
53	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			10	10	9	9,4	0012345678910	0123456789
54	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			7	6	6	6,1	0012345678910	0123456789
55	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			7	6	6	6,1	0012345678910	0123456789
56	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			7	7	4	5,2	0012345678910	0123456789
57	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
58	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			8	9	5	6,5	0012345678910	0123456789
59	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
60	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
61	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK			7	6	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
62	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			7	5	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
63	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			7	7	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
64	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			7	6	4	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02337

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **27/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 58. Số sinh viên vắng 06

Ngày 10 Tháng 8 Năm 2022

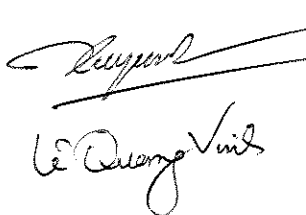
Cán bộ coi thi 1

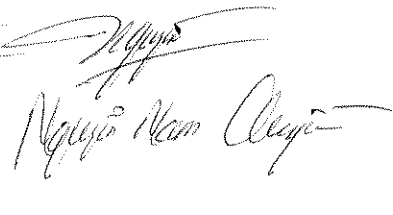
Cán bộ coi thi 2

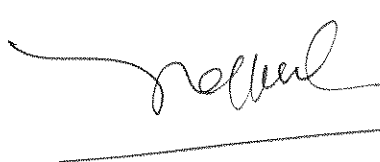
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

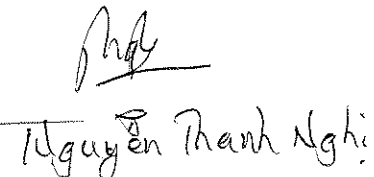
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Lê Quang Vinh


Nguyễn Nam An


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 02338

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy nông nghiệp(207328)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

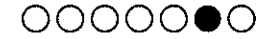
Ngày Thi **25/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			8	7	5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			7	9	6	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			7	6	3	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			8	8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			7	8	8	7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			8	7	7	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			6	6	5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			7	6	4	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			7	7	7,5	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			7	6	5,5	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			7	6	3	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9	7	7	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			7	6	4,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02338

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nông nghiệp(207328)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi 25/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 1.

Ngày 8 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Vinh


N.V. Kiệp


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 01556

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207337) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK						7	0012345678910	0123456789
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK						8	0012345678910	0123456789
4	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK						7,5	0012345678910	0123456789
5	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK						6	0012345678910	0123456789
6	18118023	Nguyễn Tấn Điện	DH18CK						7,5	0012345678910	0123456789
7	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK						8	0012345678910	0123456789
8	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK						7	0012345678910	0123456789
9	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK						7	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK						5	0012345678910	0123456789
11	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK						7,5	0012345678910	0123456789
12	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
13	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK						8,5	0012345678910	0123456789
14	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK						8	0012345678910	0123456789
15	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK						7,5	0012345678910	0123456789
16	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK						7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01556

Trang 2/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207337) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK	<i>Huy</i>					7,5	0012345678910	0123456789
18	18118051	Bùi Huynh	DH18CK	<i>Bùi Huynh</i>					7	0012345678910	0123456789
19	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK	<i>Khang</i>					7,5	0012345678910	0123456789
20	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK	<i>Bá</i>					7,5	0012345678910	0123456789
21	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK	<i>Lâm</i>						0012345678910	0123456789
22	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK	<i>Long</i>					7,5	0012345678910	0123456789
23	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK	<i>Long</i>					7,5	0012345678910	0123456789
24	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	<i>Long</i>					6,5	0012345678910	0123456789
25	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	<i>Long</i>					6,5	0012345678910	0123456789
26	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	<i>Lộc</i>					6,5	0012345678910	0123456789
27	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	<i>Mạnh</i>					7	0012345678910	0123456789
28	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mì	DH17CK	<i>Yến</i>					5,5	0012345678910	0123456789
29	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	<i>Minh</i>					7	0012345678910	0123456789
30	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK	<i>Minh</i>					6	0012345678910	0123456789
31	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	<i>Minh</i>					5	0012345678910	0123456789
32	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	<i>Nguyên</i>					7,5	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK						8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK						6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Chuyên đề tốt nghiệp 1 (207337) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK	Thìn					6,5	0012345678910	0123456789
50	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK	Th					6,5	0012345678910	0123456789
51	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK	Thọ					7	0012345678910	0123456789
52	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK	Thu					8,5	0012345678910	0123456789
53	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK	/					/	0012345678910	0123456789
54	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK	/					/	0012345678910	0123456789
55	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK	Tri					7	0012345678910	0123456789
56	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	Trung					7	0012345678910	0123456789
57	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK	Trường					7	0012345678910	0123456789
58	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	Trường					7	0012345678910	0123456789
59	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	Tuấn					6,5	0012345678910	0123456789
60	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK	Tuấn					6,5	0012345678910	0123456789
61	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK	T					7,5	0012345678910	0123456789
62	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK	Lu					7	0012345678910	0123456789
63	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	Vinh					7	0012345678910	0123456789
64	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK	Kim					7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 03

Hiện diện: 61

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 06/06/2022 09:52

Nguyễn Thanh Nghị

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 02344

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207342)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 001_DH20CK_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118111	Nguyễn Duy An	DH20CK	<i>Ac</i>		1,7	0,9	1,7	4,3	0012345678910	0123456789
2	20118125	Trần Thanh Bình	DH20CK	<i>3m</i>		1,8	0,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
3	20118147	Nguyễn Tấn Dũng	DH20CK	<i>Dũng</i>		1,6	1	2,9	5,5	0012345678910	0123456789
4	20118011	Đặng Hữu Minh	DH20CK	<i>Đặng</i>		1,3	0,8	2,2	4,3	0012345678910	0123456789
5	20118149	Nguyễn Văn	DH20CK	<i>Nguyễn</i>		1,8	0,6	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
6	20118150	Phạm Hoàng Đông	DH20CK	<i>Đ</i>		1,6	1,2	1,9	4,7	0012345678910	0123456789
7	20118136	Võ Thái Đạt	DH20CK	<i>Đ</i>		1,2	0,9	2,6	4,7	0012345678910	0123456789
8	20118129	Lê Hải Đăng	DH20CK	<i>Đ</i>		1,8	0,8	1,4	4	0012345678910	0123456789
9	20118142	Đỗ Hoàng Đức	DH20CK	<i>Đ</i>		1,2	1,5	2	4,7	0012345678910	0123456789
10	20118164	Trần Trung Hiếu	DH20CK	<i>Đ</i>		1,6	0,7	2,6	4,9	0012345678910	0123456789
11	20118166	Lâm Long Hồ	DH20CK	<i>Đ</i>		1,5	1,4	2,9	5,8	0012345678910	0123456789
12	20118169	Nguyễn Văn Hùng	DH20CK	<i>Đ</i>		1,1	1	2,5	4,6	0012345678910	0123456789
13	20118172	Nguyễn Bá Huy	DH20CK	<i>Huy</i>		1,6	0,4	2,4	4,4	0012345678910	0123456789
14	20118173	Nguyễn Mạnh Huy	DH20CK	<i>Đ Huy</i>		1,1	0,6	2,3	4	0012345678910	0123456789
15	20118175	Phan Lê Ngọc Huy	DH20CK	<i>Đ Huy</i>		1,7	1,5	1,8	5	0012345678910	0123456789
16	20118176	Võ Đức Phát	DH20CK	<i>Đ</i>		1,6	1	1,2	3,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02344

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207342)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_01

Tổ Thi 001_DH20CK_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 28/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm b. thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118170	Nguyễn Bình Hưng	DH20CK			1,3	1,2	1,3	3,8	0012345678910	0123456789
18	20118181	Nguyễn Hoàng Khang	DH20CK			1,7	0,9	3,4	6	0012345678910	0123456789
19	20118182	Lê Minh Khanh	DH20CK			1,5	0,4	1,8	3,7	0012345678910	0123456789
20	20118033	Nguyễn Quốc Khánh	DH20CK			1,1	1,3	2,2	4,6	0012345678910	0123456789
21	20118187	Trần Tuấn Kiệt	DH20CK			1,6	0,5	1,7	3,8	0012345678910	0123456789
22	20118195	Hồ Quang Luyt	DH20CK			1,5	1,2	2,4	5,1	0012345678910	0123456789
23	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			1,5	0,9	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
24	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			1	1,1	3,2	5,3	0012345678910	0123456789
25	20118207	Trần Minh Nghĩa	DH20CK			1,3	0,4	2,9	4,6	0012345678910	0123456789
26	20118209	Trần Thái Ngọc	DH20CK			1,5	0,8	2,4	4,7	0012345678910	0123456789
27	20118210	Đào Nguyễn Trung Nguyên	DH20CK			1,8	0,6	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
28	20118212	Lê Thanh Nhân	DH20CK			1,8	1,1	1,6	4,5	0012345678910	0123456789
29	20118214	Nguyễn Lê Trọng Nhân	DH20CK			1,7	0,4	3,2	5,3	0012345678910	0123456789
30	20118215	Phan Văn Nhất	DH20CK			1,4	0,3	1,7	3,4	0012345678910	0123456789
31	20118222	Dương Tuấn Phát	DH20CK			1,4	0,8	1,9	4,1	0012345678910	0123456789
32	20118224	Phan Thành Phát	DH20CK			1,7	1,1	2	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02344

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207342)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 6thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			1,5	0,7	2,6	4,8	0012345678910	0123456789
34	20118107	Phạm Đình Phúc	DH20CK			1,7	0,4	2	4,1	0012345678910	0123456789
35	20118235	Võ Hoài Phương	DH20CK			1,7	0,9	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
36	20118243	Đỗ Đức Tài	DH20CK			1,6	0,8	2	4,4	0012345678910	0123456789
37	20118245	Trần Minh Tài	DH20CK			1,4	0,6	2,2	4,2	0012345678910	0123456789
38	20118258	Ung Ngọc Thành	DH20CK			1,4	1,3	2,2	4,9	0012345678910	0123456789
39	20118255	Nguyễn Quốc Thắng	DH20CK			1,2	1	3	5,2	0012345678910	0123456789
40	20118264	Nguyễn Đức Thuần	DH20CK			1,4	0,8	1,8	3,7	0012345678910	0123456789
41	20118271	Nguyễn Ngọc Toàn	DH20CK			1,6	1,1	3	5,7	0012345678910	0123456789
42	20118272	Phạm Đức Toàn	DH20CK			1,9	1,3	4,4	7,6	0012345678910	0123456789
43	20118274	Nguyễn Trọng Triết	DH20CK			1,4	0,9	2,6	4,9	0012345678910	0123456789
44	20118276	Huỳnh Quang Trung	DH20CK			1,6	1,3	2,9	5,8	0012345678910	0123456789
45	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			1,4	0,6	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
46	20118285	Trương Thanh Tùng	DH20CK		✓					0012345678910	0123456789
47	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			1,6	1	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
48	20118286	Nguyễn Thái Vi	DH20CK			1,1	1,2	2,1	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02344

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207342)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_01**

Tổ Thi **001_DH20CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **28/07/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 6 thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	20118287	Ngô Anh Việt	DH20CK			1,8	0,7	1,6	4,1	0012345678910	0123456789
50	20118291	Lâm Huỳnh Anh Vũ	DH20CK			1,8	0,7	5,5	8	0012345678910	0123456789
51	20118292	Trần Quốc Vương	DH20CK			1,5	0,9	2,9	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 50. Số sinh viên vắng 11.

Ngày 02 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Hồ Văn Nghĩa

Nguyễn Thị Đan Phượng

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 02354

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207434)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

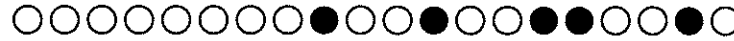
07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC				7.5	7	7.2	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC				7	7	7.0	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC				7	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC				8.5	9	8.8	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC				9	5	6.6	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC				7	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC				7	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC				7.5	8	7.8	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC				7.5	7	7.2	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC				8.5	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC				7	8	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02354

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng tái tạo(207434)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi

001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **29/07/2022**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường

Nguyễn Nhật Long

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích